

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Lại
- Ông Nguyễn Hoài Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Xuân, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28c/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1986.  
**Địa chỉ:** B, vực D, phường A, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt
- Bị đơn:** Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1985.  
**Địa chỉ:** Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày có nội dung như sau:

Trước đây bà Đ, ông C qua tìm hiểu, sau đó đôi bên tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn số 140/2012 vào ngày 16/11/2012 tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về

sau quan điểm cuộc sống và các vấn đề khác không còn hòa hợp nên đôi bên thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã. Đến năm 2020 thì ông C bỏ nhà đi, bà và gia đình tìm nhiều cách liên lạc nhưng không có kết quả, sau đó bà Đ đã làm đơn xin tuyên bố ông Trần Văn C1 mất tích và ngày 20/10/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ ra quyết định số: 10/2025/QĐST-DS tuyên bố ông Trần Văn C1 mất tích. Quá trình hôn nhân bà Đ, ông C1 có 02 con chung là Trần Phương T và Trần Thái S. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn yêu thương nhau nên bà Đ làm đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Văn C1.

Về con chung: có 02 người, tên Trần Phương T (nữ), sinh ngày 02/12/2012 và Trần Thái S sinh ngày 19/02/2019. Hiện đang sống chung với bà Đ, sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con đến trưởng thành, không yêu cầu ông C1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Đ khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Trần Ngọc C chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, bà Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Điều 53 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về tố tụng: Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, về phía bị đơn có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích, đồng thời Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy các văn tố tụng cho phía bị đơn theo luật định. Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc xin ly hôn với ông Trần Ngọc C2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Trần Ngọc C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định pháp luật. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh chấp, bất đồng quan điểm sống. Đặc biệt, từ năm 2020 anh Trần Ngọc C đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có tin tức, bà Đ và gia đình đã tìm kiếm nhiều biện pháp nhưng không có kết quả. Đến ngày 20/10/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 10/2025/QĐST-DS tuyên bố anh Trần Ngọc C mất tích theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc vợ, chồng bị Tòa án tuyên bố mất tích là căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc ông C biệt tích trong thời gian dài, không thực hiện nghĩa vụ của người chồng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng.

[3] Đối với con chung: Các con còn nhỏ, hiện đang do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng ổn định; xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 53, 56, 80,81, 82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn với ông Trần Ngọc C

Về con chung: có 02 người, tên Trần Phương T (nữ), sinh ngày 02/12/2012 và Trần Thái S (nam), sinh ngày 19/02/2019. Hiện đang sống chung với bà Đ, giao cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến trưởng thành theo nguyện vọng của các cháu, ông C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông C theo quy định chung của pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Đ khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đ có nghĩa vụ nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0000102 ngày 05/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận bà Đ đã nộp xong)

[3] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- TAND TP. Cần Thơ;
- **VKSND KV2 - Cần Thơ;**
- **Phòng THADS KV Cần Thơ;**
- **UBND P Long;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Mẫn**